

Bài 82. Kinh Tăng Chi | Chương Bốn pháp | Phẩm Bánh xe (tt1) | Sư Giác Nguyên giảng 02/7/18

Chúng ta biết được một số sự kiện về địa danh và nhân danh ở trong bài kinh này, và chúng tôi nghĩ rằng có lẽ chúng ta cũng nên nhắc lại một chút.

Ở trong đây nói kinh này được giảng ở chùa Trúc Lâm. Chữ Velu là tre, Veluvana là vườn tre hay là rừng tre, vốn là vườn ngự uyển của vua. Đồng thời chỗ này còn có một cái tên nữa gọi là Kalandakanivāpa, đó là chỗ nuôi sóc. Các vị còn nhớ cái tích này không?

Chỗ nuôi sóc: nhiều đời trước có ông vua nằm ngủ quên ở đó. Mấy cô cung tần đi hầu thấy ông ngủ nên bỏ đi hái hoa bắt bướm. Lúc đó có con rắn trong bụi rừng nó bò ra, nó hướng về phía ông. Nếu mà nằm im thì có lẽ nó không có cắn mình đâu, nhưng nếu nó bò ngang mình mà mình giật mình, mình động dậy thì có thể nó phập.

Có một vị thọ thần ở trong khu rừng đó, họ thấy ông trong tình trạng, tình cảnh nguy hiểm như vậy, cho nên vị thọ thần này mới dùng thần thông hóa hiện ra một con sóc đến kêu inh ỏi bên tai của vua. Vua giật mình thức dậy, vua mới nhìn thấy con rắn. Từ đó vua mới cảm cái ơn của con sóc đó, vua mới cho người đem thức ăn tới để mà nuôi dưỡng con sóc đó trong khu rừng tre này.

Lâu ngày ở đó sóc rất là nhiều. Đó là một chuyện.

Rồi thứ hai nữa là khi Bồ-tát Tất-đạt đi xuất gia thì vua Bình Sa Vương nhìn thấy Bồ-tát Tất-đạt, vua quý lắm mà thương lắm, đến mức vua nói: “Ngài đừng đi tu nữa, Ngài ở đây Ngài làm vua với trăm đi, mỗi người một nửa vương quốc.”

Bồ-tát từ chối. Vua nói: “Nếu mai này đi tìm đạo mà thành công, thì xin hãy nhớ đến trăm đầu tiên.”

Cho nên về sau này thì vua trở thành ra là người thí chủ đầu tiên mà cúng dường ngôi chùa đầu tiên cho Đức Phật, mà cũng là cho lịch sử Phật giáo.

Cũng tại ngôi chùa này, Đức Thế Tôn đã có một cuộc họp mặt với 1250 vị La-hán lục thông, và Ngài xác định cương lĩnh giáo lý mà Ngài sẽ thuyết pháp trong 45 năm tiếp theo. Mình gọi là cương lĩnh là theo cái từ của mình bây giờ, nhưng mà đó là chỗ mà Ngài đầu tiên Ngài nói đến nội dung giáo pháp là: không làm các điều ác, làm các hạnh lành, giữ gìn tâm trong sạch, Tỷ-kheo sống kham nhẫn, thường tri túc trong thực phẩm, thu thúc các căn, sống nơi nhàn tịnh; tổng cộng 9 điều.

Mà thường Phật tử Việt Nam chỉ biết có 3 điều thôi, là không làm điều ác, làm các điều lành, giữ gìn tâm trong sạch, chứ mình quên cái khúc sau.

Đó là nói về địa danh.

Còn cái thứ hai đó là nhân vật tên là Vassakāra. Nhân vật này rất là đặc biệt ở chỗ là ổng với một ông nữa tên là Sunidha, hai ông được lệnh của vua A-xà-thế đến gặp mặt Đức Phật để hỏi ý về chuyện mà vua tấn công xứ Vajjī.

Mặc dù Đức Phật là luôn luôn từ bi, nhưng mà bởi vì vua nghĩ Ngài là bậc đại trí, chắc chắn Ngài sẽ cho mình một lời khuyên. Chắc chắn là Ngài cản rồi, nhưng mà coi Ngài cản như thế nào, rồi mình mới theo đó mình tính.

Vua cử hai vị đại thần là ông Vassakāra này với một ông nữa tên là ông Sunidha. Xem kinh Đại Bát Niết-bàn, Trường Bộ, thì hai ông đến hỏi Ngài. Ngài không có nói là nên đánh hay không, mà Ngài chỉ gợi ý thôi.

Ngài chỉ gợi ý rằng dân xứ Vajjī là một xứ văn minh, dân chủ. Ở đó người già, phụ nữ, trẻ em, người tu hành được tôn trọng. Và ở đó ý kiến của tập thể luôn được coi trọng hơn là tập quyền trung ương của một cá nhân hay là một vài cá nhân.

Đại khái khen ngợi nền chính trị và nền đạo đức, nền văn hóa xã hội của xứ Vajjī. Và Ngài chỉ nói rằng với một đất nước như vậy thì đừng có nghĩ đến chuyện tấn công

làm cái gì hết, bởi vì tự thân nó đã có một sự hùng cường rồi.

Và sau khi hai ông này đã đi về rồi, thì Ngài mới dạy cho chư Tăng một loạt các pháp bất thối. Tức là hồi này Ngài nói đến những điều kiện để cho một đất nước, một dân tộc hùng mạnh. Bây giờ khi mà hai ông đó đi rồi thì Ngài mới họp chư Tăng lại, Ngài nói rằng khi mà Ta đi rồi thì các người hãy nhớ sau đây là những điều kiện để Tăng chúng được hưng thịnh.

Ngài thuyết liên tục một loạt các pháp bất thối, *aparihāniya-dhamma*, tức là những pháp mà đem đến sự cường thịnh cho chư Tăng. Thí dụ như Tỷ-kheo luôn luôn tinh tấn trong Pháp học, Pháp hành; vị Tỷ-kheo không có thích nói nhiều, không thích quần chúng, không thích ngủ nghỉ, không thích công việc tục sự; Tỷ-kheo sống đoàn kết, sống tôn trọng giáo pháp.

Ngài thuyết một loạt vậy đó. Ngài nói đó là những điều kiện để cho một Tăng đoàn được phát triển, hưng thịnh.

Đó là chúng ta nói sơ về duyên sự của hai ông này, ông Vassakāra.

Nhưng mà có cái duyên sự đặc biệt nữa là một ngày kia ông Vassakāra này nhìn thấy Ngài Mahā-Kaccāyana đi từ ở trên núi xuống. Ngài thì rất đẹp trai, khôi vĩ, tuấn tú, nhưng mà bữa đó Ngài trên núi xuống, cho nên có những chỗ núi đá gập ghềnh rồi có chỗ Ngài bước nhanh, có những chỗ giống như Ngài phải nhảy vậy đó. Ngài không có dùng thần thông.

Ai cũng vậy thôi. Bây giờ hoa hậu hay là người mẫu mà đi trên núi đá thì cũng phải đi kiểu đó thôi. Ông Vassakāra này, ông mới nhìn thấy Ngài Mahā-Kaccāyana đi vậy, ông nói: “Cái ông sư này đi giống khi.”

Những người đi chung với ông họ nghe cái câu đó, họ mới chuyển miệng nhau, rồi cuối cùng đến tai Đức Phật. Đức Phật Ngài mới nói rằng nếu mà Vassakāra không có...

Sám hối Mahā-Kaccāyana thì sau cái kiếp này Vassakāra sẽ tái sanh làm một con khi.

Trong Kinh Sớ giải Trung Bộ ghi rằng là lúc đó, trong cái thân phận của một vị đại quan ở trong triều mà đi kiếm một ông sư để đi xin lỗi câu nói đùa, mà mình đâu phải nói xúc phạm trực tiếp, mình nói đằng sau lưng mà. Mà trong thân phận một đại quan thì ông thấy cái chuyện đó làm như nó cũng hơi bất tiện. Cái vấn đề nó nằm ở chỗ đó: nó hơi bất tiện, cho nên ông không có đi gặp Ngài, ông sám hối.

Mà sẵn ở đây chúng ta phải nhắc lại một chuyện rất là quan trọng: đã làm lỗi thì không thể nào tránh được lỗi, tuy nhiên thành tâm dốc lòng sám hối thì ít nhiều nó cũng có cái sự giảm nhẹ trong đó. Chưa kể là cái đối tượng mà mình xúc phạm, mà chỉ cần họ có cái từ tâm mà họ tha thứ; nếu họ không biết gì thì thôi, mà nếu họ biết thì với cái từ tâm của họ, nó cũng là một cái kiểu gia trì để cho mình bớt nghiệp. Cái chuyện này chuyện có thật.

Thí dụ như mình thấy ông A-xà-thế, trong Kinh ghi rằng nếu mà ông không có biết Phật Pháp, mà ông lại không có kính tin Đức Phật một cách đặc biệt, thì cái tội của ông còn nặng muôn trùng. Nhưng mà chính nhờ ông thờ kính Tam Bảo, đặc biệt là Đức Thế Tôn, và ông là người đứng ra tổ chức cái kỳ kiết tập Tam Tạng lần I, với tất cả công đức đó thì ông cũng đi địa ngục nhưng mà nhẹ rất là nhiều.

Thì ở đây cũng vậy, cái ông Vassakāra này khi mà ông nghe cái lời tiên đoán của Đức Phật thì ông biết rằng Thế Tôn không bao giờ nói sai. Mà bây giờ muốn đi tìm Tôn giả Mahā-Kaccāyana để sám hối, thì sám hối ở đâu? Thôi ông cứ phật phùng, ông lo. Cuối cùng ông mới xếp đặt nhân sự, tại vì Đức Phật nói rõ luôn là ông Vassakāra này sẽ sanh làm khi ở trong cái rừng trúc Veluvana, cho nên ông mới sắp đặt nhân sự cho người ở đó sẵn, nếu mai này mà thấy khi ở trong đó là phải chăm sóc hết mình. Rồi cây trái nào mà ông thích ăn thì ông cho người trồng sẵn, để mai này ông làm khi, ông vô đó ông ở. Dễ sợ như vậy!

Và đúng như vậy, sau khi ông chết, ông sanh làm khỉ ở trong đó. Đó là ông Vassakāra này nè. Cho nên hồi này giờ tôi đánh một vòng là bởi vì tôi muốn kể cho bà con nghe cái chuyện để bà con nhớ: có nhiều khi cái nghiệp thấy nó không có đáng gì hết đó, nhưng mà nó rất là lớn chuyện.

Bây giờ bắt đầu mình vô Kinh.

Ông này vào gặp Phật, ông nói:

“Theo cái cách nghĩ của con, một người mà được gọi là người có năng lực, một người tài là phải hội đủ bốn cái điều kiện này: một là học thức, là biết nhiều; hai là nhớ giỏi; thứ ba là có chuyên môn. Học thức, nghe nhiều là chuyện riêng, nhưng mà có chuyên môn là chuyện riêng, bởi vì có nhiều người cái gì cũng biết, nhưng không có cái gì mà chuyên môn hết. Và cái thứ tư là người thông tuệ, tiếng Pāli kêu là dakkho.”

Ông hỏi:

“Vậy chứ con nghĩ như vậy đó, một người mà có năng lực là có bốn cái này. Nếu con nói sai thì Thế Tôn cứ điều chỉnh con.”

Thì Đức Phật Ngài nói rằng:

“Trong cái ý nghĩ, cái quan điểm của người, bốn cái điều đó không có cái gì là cần phải khen hay là chê hết, bởi vì nó cũng tầm tầm được, không có sai. Ở ngoài đời thì nghĩ như người vậy đó, một người có năng lực là một người hội đủ bốn cái đó. Nhưng mà cái này mới quan trọng: ở trong cái Giáo Pháp của Ta, thì để được gọi là một người năng lực, một bậc đại nhân thì phải hội đủ bốn cái điều này:

1. Cái thứ nhất đó là có cái lý tưởng lợi tha.
2. Cái thứ hai là Chánh Tư Duy, sống bỏ tà tư duy.
3. Cái thứ ba là chứng đạt thiền định.
4. Và cái thứ tư là thành tựu Thánh Trí La-hán.”

Đó là bốn cái. Tức là Ngài nói, ở ngoài đời thì cái tiêu chuẩn để mà người ta coi là một người tài, một cái bậc nhân tài, một bậc xuất chúng thì có bốn điều kiện như là người nói. Nhưng mà trong cái đạo của Ta, cái người được gọi là xuất chúng, cái người được gọi là có năng lực, một bậc đại nhân thì phải hội đủ bốn cái điều kiện này: một là cái người sống có lý tưởng lợi tha; thứ hai là phải sống có Chánh Tư Duy, tức là lìa tà tư duy; thứ ba là cái khả năng chứng đắc thiền định dễ dàng; và thứ tư là thành tựu quả vị La-hán.

Dĩ nhiên là tùy người mà Đức Thế Tôn trong cái đề tài như vậy đó, Ngài nói khác nhau. Nghĩa là cùng một đề tài, nhưng mà tùy đối tượng Phật nói ra sao.

Thì cái ông này, Ngài đã nhìn cái căn duyên ông này nhiều đời lắm rồi. Ông này phải nói vậy đó thì nó mới chạm vô hết tất cả cái huyết đạo tâm lý. Có nghĩa là âm nhạc, hội họa, thơ ca, kiến trúc, ẩm thực, triết học, mỗi người mình nó có những cái điểm thích hợp khác nhau.

Có những ông học thức bác sĩ, nhưng mà lại mê cải lương. Tôi có biết một vài người quen của tôi, bác sĩ, kỹ sư nhưng mà họ lại khoái nghe boléro, nghe nhạc sến. Rồi còn có nhiều người thì coi như là chưa có bằng đại học, nhưng mà chỉ nghe thính phòng thôi, mà nghe cái nhạc Việt thì cũng chỉ là Vũ Thành An, Từ Công Phụng, Ngô Thụy Miên, Trịnh Công Sơn thôi. Chứ còn mà kiểu Lam Phương hay là Trúc Phương gì đó là họ chịu không nổi. Nó kỳ vậy đó.

Rồi tới hồi queo qua kiến trúc thì họ lại rất là gothic, họ rất là hiện đại, họ rất là moderne. Rồi ăn thì họ lại quay trở lại đồ ăn của miền quê. Thí dụ như vậy. Có nghĩa là hồi thì vậy, hồi thì khác. Trong cái sở thích, thị hiếu, nhu cầu vật chất của mình là nó đã tùm lum như vậy, thì trong cái cõi tinh thần của chúng ta cũng thế. Có nhiều người thấy họ xềng xềng vậy đó nhưng mà họ phải được nghe cái

Giáo Pháp ở cái tầm như vậy, ở cái cấp độ như vậy, họ mới vừa sức.

Thì ở đây Đức Phật Ngài dạy rằng một vị Tỷ-kheo mà được xem là tròn trịa nhất phải là người có đời sống lợi tha. Thứ hai nữa là phải có Chánh Tư Duy.

Chúng ta xem Kinh Song Tầm, Dvedhavitakka-sutta, ở trong Trung Bộ. Có nhiều khi Đức Phật dạy cái con đường giải thoát chỉ có qua một ngã Chánh Tư Duy thôi. Nhiều lúc Phật dạy toàn bộ Bát Chánh Đạo qua Chánh Tư Duy.

Chánh Tư Duy có nghĩa là ly dục, vô sân và bất hại. Ly dục là không có thích cái gì hết. Vô sân là không có bất mãn cái gì hết. Bất hại có nghĩa là không hề có cái lòng làm tổn thương người hay vật. Cả ba cái đó gọi là Chánh Tư Duy.

Nếu mà mình có học giáo lý, mình thấy ba cái này đúng là nó bao gồm toàn bộ Phật Pháp rồi. Tức là không có để cho mình phải chạy theo bất cứ một cái suy nghĩ nào mà gọi là đam mê thích thú trong bất cứ cái gì, đó gọi là ly dục tư duy.

Còn vô sân tư duy là không có bất mãn trong bất cứ cái gì. Thí dụ như về ly dục tư duy có nghĩa là không có cái cảnh sắc, cảnh thanh, cảnh khí, cảnh vị, cảnh xúc, cảnh pháp nào mà làm cho mình đam mê thích thú. Còn vô sân tư duy là trong lục trần không có cái trần cảnh nào làm cho mình bất mãn. Còn bất hại tư duy là không hề có cái ý làm tổn hại, tổn thương, xúc phạm, đập đổ, chống phá bất cứ người hay là vật nào hết. Đó là bất hại tư duy.

Ly dục tư duy tức là tâm sở vô tham. Vô sân tư duy tức là tâm sở vô sân. Còn bất hại tư duy là tâm sở bi mẫn. Tổng cộng là ba tâm sở này cộng lại gọi là Chánh Tư Duy.

Mình nghe thì có vẻ nó hơi thiếu thiếu làm sao đó, bởi vì pháp tu thì bao la, mà sao gom lại là ba cái này? Xin thưa, nghe thì đơn giản nhưng để thành tựu ba Chánh Tư Duy thì ta phải tu tập tất cả 37 Pháp Bồ-đề. Cho nên ở đây Chánh Tư Duy nó quan trọng vậy đó.

Trong Kinh Song Tầm Ngài nói rằng khi mà Ngài còn Bồ-tát trong rừng khổ hạnh, Ngài mới suy nghĩ thế này: Toàn bộ thế giới này nó chỉ đi ra từ cái tư tưởng của

chúng sanh. Toàn bộ thế giới đi ra từ tư tưởng, mà tất cả cái gọi là tư tưởng ấy nó chỉ gồm có hai nhánh thôi, đó là tư tưởng thiện và tư tưởng bất thiện.

Toàn bộ vô lượng vũ trụ và tất cả chúng sanh đều đi ra từ cái gọi là tâm, tức là tư duy, mà tâm nó chia ra làm hai nhánh, thiện và ác, tức là thiện tư duy và ác tư duy, tức là Chánh Tư Duy và tà tư duy. Thì cái thiện tư duy là cái nên có, còn cái tà tư duy, cái ác tư duy là cái không nên có, chỉ đơn giản vậy thôi.

Và khi mà Ngài tự xác định như vậy rồi thì kể từ giây phút đó trở đi, khi nào Ngài thấy có cái tà tư duy nó xuất hiện, nó suy nghĩ gì mà tâm bậy tâm bạ, nó thích cái này, ghét cái kia, thì Ngài biết đây là tà tư duy, chỉ đơn giản như vậy thôi. Và chính cái nhận thức này của Ngài nó mới dẫn đến cái Phật quả sau đó.

Rồi cái thứ ba là khả năng chứng đắc thiền định. Bởi vì thời Đức Phật, cái chuyện đắc chứng thiền định nó dễ như trở bàn tay vậy đó. Cho nên chúng ta thấy Đức Phật thường xuyên nhắc đến cái chuyện gọi là đắc chứng thiền định một cách dễ dàng, không khó khăn, không mệt nhọc là vậy.

Nhưng mà thời nay thì chúng ta không có khả năng đắc sơ, nhị, tam, tứ thiền. Nhưng mà tối thiểu chúng ta cũng có thể có được cái sát-na định hoặc là cận định. Là sao? Có nghĩa là cái khả năng tập trung tư tưởng, tuy là nó không có phải là định, nhưng mà ít ra chúng ta có thể ghép nhiều cái mảnh vụn của định tâm lại để mà mình có thể ngồi yên, chuyên chú nhất tâm trong một tiếng, hai tiếng, ba tiếng, bốn tiếng. Thì cái đó tuy nó là sát-na định nhưng nó hoàn toàn có thể là một phương tiện, là một công cụ để mà chúng ta tu tập Tuệ Quán.

Cái định ngày xưa là các tầng thiền, sơ, nhị, tam, tứ trở lên. Còn ngày nay thì chúng ta chỉ có cái khả năng đó thôi, nhưng cũng là định.

Rồi cái cuối cùng, tu gì thì tu, phước báu gì thì phước báu, nhưng mà cái cứu cánh rốt ráo cao nhất vẫn là sự chấm dứt phiền não. Bởi vì nói đi nói lại thì tất cả ác pháp là phải tránh dĩ nhiên rồi. Ở đây mình không có nhắc tới cái chuyện đó nữa. Nhưng mà

thiện pháp, dầu chúng ta có là ông thầy tu hay là cư sĩ nam phụ lão ấu, chúng ta có trí tuệ nhiều, thiền định, giới luật, chúng ta có bao nhiêu thứ đi nữa, thì nói cho cùng tất cả thiện pháp và quả lành đều chỉ là cái tấm vé tàu hay máy bay, chỉ có giá trị khi ta chưa đến đích.

Cho nên Ngài dạy cả đời bao nhiêu pháp tu, bao nhiêu hạnh lành, nhưng mà cuối cùng rốt ráo, Ngài nói: “Nhưng mà cái cao siêu nhất, cái rốt ráo nhất vẫn là chấm dứt toàn bộ phiền não, rồi Níp-bàn lẹ lẹ đi, chứ còn không có chuyện gì để nói ở đây nữa hết.” Rốt ráo chỉ có bao nhiêu đó.

Bởi vì tất cả hôm nay mà trưa nắng chang chang rồi chúng ta đội gạo lên chùa, rồi chùi cầu, rửa chén, rồi ngồi thiền bị muỗi cắn, nực nội đổ mồ hôi, chiều đói bụng, xót ruột, bao tử chua, khuya nằm lạnh lẽo muỗi chích, lạnh gió sương mà không có mền đắp, rồi hành thiền thì coi như là dày đặc khó khăn, thất niệm, phóng dật. Ôi, nói chung là cái đường tu nó bao nhiêu là cái gian lao.

Nhưng mà rồi sao? Tất cả chỉ là tấm vé tàu thôi. Nhiều người cứ thấy tự đắc, tự kiêu, tự mãn, tự đại, tự tôn, cứ là mình làm được ba mớ thấy hay. Nhưng mà thật ra họ quên rằng tất cả chỉ là tấm vé tàu thôi!

Trưa nắng chang chang vậy mà đi làm phước thiện, muốn hoan hỷ thì hoan hỷ, nhưng mà thỉnh thoảng cũng nên quẹo qua cái kia một chút, nhớ rằng trời nóng như thế này, mà tại sao

Mình phải đi làm phước? Tại sao mình phải ngồi thiền? Là tại vì mình không có muốn nóng nữa, thà là nóng một kiếp, hai kiếp để mai mốt không có còn nóng nữa. Cứ mỗi lần cực nhớ bấy nhiêu đó thôi, cực khổ nhớ bấy nhiêu đó.

Tại sao trưa nắng chang chang mà phải ngồi ôm một núi chén đĩa dơ để rửa cho chùa, tại sao vậy? Tôi biết cực chứ, tôi đâu có ngu gì mà tôi không biết. Nhưng mà tôi phải rửa, rửa chén này cho nó sạch ở bên trong, nó sạch ở trong lòng của tôi đó. Chứ bây

giờ tôi bước về nhà tôi cũng là chủ nhà, tôi cũng có chồng, có vợ, có con, có cái nó lo chứ, có kẻ ăn người ở. Nhưng mà tại sao tôi phải cực như thế này?

Trưa nắng chang chang mà phải vô trong thiền viện ngồi nó nóng chảy mỡ, tại sao? Là tại vì tôi không có muốn nóng nữa. Tôi bây giờ gặp Phật pháp thì tôi ráng tôi đổ mồ hôi vì Đạo một kiếp, hai kiếp. Lỡ nhiều kiếp sanh ra không gặp Phật pháp để mà đổ mồ hôi thì sao?

Nói rất ráo là vậy đó. Nhiều kiếp, kiếp nào chúng ta không đổ mồ hôi, nhưng mà chỉ có cái gặp Phật pháp là đổ mồ hôi xứng đáng đồng tiền bát gạo. Còn hể mà không gặp Phật pháp rồi, một là làm con chó, con heo, con bò, con vịt, còn không thì làm dâu nhà người, làm rể Chương Đài, một năm ăn hết 12 cái vại cà, rồi cày bừa cuốc xới như con trâu trên cánh đồng sanh tử để mà gây dựng tiếp tục bao nhiêu là cái mỗi oan khiên.

Cho nên bài kinh này nội dung đại khái là như vậy đó.

Kinh Tùy Thuộc Thế Giới

Kinh Tùy thuộc thế giới: Một thời, Thế Tôn đang đi trên con đường giữa Ukkatthā và Setabya.

Setabya vốn là sinh quán của Thế Tôn Kassapa ngày xưa, như là Kapilavatthu đối với Thế Tôn Gotama. Cho nên mai này bà con đi Ấn Độ mà quờn quờn, rảnh rảnh cũng nên tới chỗ này một chút để coi. Bây giờ Setabya này, lật bản đồ ra thì nó ra. Có những bản đồ kêu là bản đồ địa dư Ấn Độ thời Phật, trên internet có. Thí dụ như là Kapilavatthu ngày xưa bây giờ nó là cái vùng đất nào, thì chúng ta bây giờ đi thăm Lumbinī, Kapilavatthu, rồi sẵn ta ghé qua Setabya, chỗ này là sinh quán của Thế Tôn Ca-diếp ngày xưa, vị Phật mà trước Phật mình.

Khi Ngài đang đi trên đường như vậy đó, thì có một ông Bà-la-môn tên là Dona, là người tinh thông Tam Vệ-đà, rất là giỏi tướng số. Ông này mới nhìn thấy cái dấu

chân của Thế Tôn trên đường mà rành rành hình 108 con thú, và trong đó có cái bánh xe mà một ngàn cãm. Thì ông nhìn cái dấu chân, ông biết đây không phải là người bình thường, người tầm thường. Đó là Chánh Kinh nói.

Bây giờ qua Chú giải nói: làm sao có cái chuyện cực kỳ vô lý, một người đi trên đường mà cái dấu chân có thể để lại mà nó rõ ràng, vành vạnh hình ảnh trên cái dấu chân đó là sao? Chuyện đó không có. Cho nên ở đây trong kinh mới nói đó là do Phật chú nguyện để Dona nhìn thấy. Cái này là do Phật chú nguyện thôi. Phật biết ông này thấy cái này mới là được, thì Ngài mới chú nguyện thế này. Ở trong Chú giải ghi rõ lắm. Bởi tại sao mà mình phải học kinh Chú giải? Trong đây có nói Ngài chú nguyện thế này:

“Asuko nāma passatū’ti”.

Tức là chú nguyện ai đó hãy thấy được cái dấu chân này nghe. Thì khi chú nguyện vậy, người đó sẽ thấy với cái thần thông. Chứ còn trong kinh nói bàn chân Đức Phật rất là mịn, da chân Ngài rất là mịn, chứ đâu phải là cái da chân Ngài giống như cái mộc đi mà để cái dấu trên đường đâu. Nhưng mà do Ngài cố ý Ngài chú nguyện. Tiếng Pāli cái dấu chân là padavalañja.

Các vị biết ở trong tiếng Hán có chữ “tung tích”, hai chữ có nghĩa là dấu chân. Giống như là đang đi tìm tung tích của ai đó, thì tung tích là cái dấu chân, cái dấu vết của người đó để lại. Tích là cái dấu chân, tung là cái dấu để lại trên đường gọi là tung, còn tích là cái dấu chân.

Padavalañja là dấu chân. Thì ông này mới nhìn thấy như vậy đó, ông hoan hỷ quá. Ông mới đi một đời nữa thì ông mới gặp Đức Phật.

Và trong Chú giải mới nói thế này: Vào buổi sáng hôm đó, Đức Thế Tôn mỗi ngày theo thông lệ, Ngài dùng Phật trí, Ngài bủa cái lưới Phật trí đi khắp 10 ngàn vũ trụ, coi hôm nay ai mà hữu duyên để Ngài tế độ. Thì Ngài thấy hôm nay là nếu Ngài đi đến chỗ đó, chỗ đó Ngài sẽ gặp ông Dona. Ngài biết trước sẽ gặp ông này, và ông này

sau khi mà nghe Ngài thuyết Pháp xong, ông sẽ đắc Tam Quả A-na-hàm, và sẽ để lại cho đời 12 ngàn câu kệ lễ Phật. Cuối cùng chính ông ấy sẽ là người mà sau này là dàn xếp cái cuộc chinh chiến can qua gọi là mahākalaha, cái cuộc xung đột lớn giữa nhiều quốc gia để tranh giành xá-lợi. Thì lúc đó ông này sẽ đứng ra thương thuyết nghị hòa, giàn xếp cho các xứ ngồi lại một bàn với nhau; rồi cuối cùng ông sẽ là người phân chia xá-lợi, và giải quyết vấn đề êm xuôi, ổn thỏa.

Ngài biết trước chuyện đó, cho nên Ngài mới đi đến cho ông gặp, để lại dấu chân cho ông thấy. Mà ông này không phải là tay mơ đâu, ông rất là giỏi, ông có 500 đệ tử theo học, rất nổi tiếng, được các giới tôn trọng.

Ông gặp Ngài thì ông mới hỏi Ngài là ai mà sao Ngài đẹp quá, Ngài khôi vĩ quá, Ngài kỳ vĩ quá. Ông hỏi Ngài có phải là Dạ-xoa, là Càn-thát-bà, là thứ trên trời xuống hay không?

Thì Ngài nói:

“Không, Ta cũng chỉ là một người như bao nhiêu người, nhưng mà Ta là một vị Phật. Ta không có còn tham ái, phiền não nữa. Ta giống như một cái đoá sen mà mọc từ bùn, không có bị nhiễm cái dơ, cái hôi của bùn. Ta lớn lên, Ta sinh trưởng từ thế gian, nhưng Ta là một cái gì độc lập so với thế gian.”

Thì ông nghe như vậy xong, dĩ nhiên Chánh Tạng nói gọn lăm,

Chứ trong Chú giải thì bao giờ đằng sau những câu nói đơn giản đó, Ngài cũng nói về Bốn Đế cho ông nghe một cách rất là văn tắt: tất cả mọi thứ ở đời, cái gì cũng là khổ; thích thì cũng là trong khổ. Cứ như vậy đó, Ngài giảng về Bốn Đế cho ông nghe, ông đắc A-na-hàm, rồi ông lạy tạ Ngài, ông ra đi.

Về sau, khi mà Thế Tôn níp-bàn, thì chính ông là người đứng ra để phân chia xá lợi. Mà trong lúc ông đang chia thì ông thấy mình cũng cần tôn thờ một cái kỷ vật của

Thế Tôn, ông mới lấy cái răng ở trong phần xá lợi hỏa thiêu, ông mới nhét trong búi tóc.

Ở đây chúng ta phải đọc kỹ, ông không phải là ăn cắp, bởi vì cái đó là của chung mọi người. Thì ông nghĩ ông là người chia mà, cái đó không phải là cái tài sản. Khi nào đó là cái tài sản thì không được, bởi vì ông là vị A-na-hàm, thì ông nghĩ rằng Thế Tôn là cha chung, thì ông mới lấy một phần nhỏ. Với lại ông là người có công chia mà, ông mới lấy, ông để trong cái búi tóc của ông.

Rồi ông biết chắc rằng tất cả các sứ giả, các quốc vương đều sẵn lòng để mà nhường cho ông cái chiếc răng đó, chứ không phải cái đó là của trộm cướp. Ông biết chắc chắn mọi người hoàn toàn có thể đồng ý để ông lấy cái đó, bởi vì nếu không có ông là can qua chinh chiến xảy ra, máu chảy thành sông mà xác chất thành núi.

Nhưng mà lúc đó Đế Thích quan sát, Đế Thích thấy như vậy, Đế Thích mới lấy cái chiếc răng đó lại và đem về Đạo Lợi mà thờ. Mà lúc đó Đế Thích là Tu-đà-hườn. Như vậy thì ở đây có một bức tranh rất là thú vị, đó là một vị Tu-đà-hườn lấy một món đồ trên mái tóc của ông A-na-hàm. Đó là hai vị Thánh làm việc với nhau đó, đặc biệt như vậy. Tức là vị A-na-hàm lấy bỏ lên tóc của mình, rồi ông Tu-đà-hườn mới là lấy từ trên tóc của ông A-na-hàm đem về làm của riêng. Cái đó phải biết có cái vụ đặc biệt đó.

Như vậy thì cái bài kinh này chúng ta thấy cũng không có gì, đại khái chỉ kể lại cái duyên sự từ đâu mà ông Dona đã trở thành Phật tử. Và xem Kinh Đại Bát Níp-bàn, Trường Bộ, về ông này, xem trong đó thì cũng vậy thôi, cũng nói chừng đó.

Rồi ông này sau khi ông chia xong, ông lấy tay sờ tóc thấy mất cái răng, thì ông mới xin mấy ông sứ giả, mấy ông vua, mấy ông quan, mấy ông đại sứ, sứ thần:

“Thôi giờ công tôi chia mà tôi không được gì hết, vậy thôi tôi xin cái cân này đi. Tôi xin cái cân này, tôi về tôi thờ cái cân mà nầy giờ đã cân xá lợi, giữ lại cân làm kỷ niệm.”

Cuối cùng thì ông Dona không được xá lợi, nhưng ông còn giữ được cái cân.

Kinh Không Thể Rơi Xuống

Trong Trường Bộ thì gọi là Bất thối, còn ở trong đây thì dịch là Không thể rơi xuống. Đức Phật Ngài dạy rằng một vị Tỳ-kheo có được bốn cái pháp này thì không có bị sa đọa, không có bị thối đọa, không có bị thụt lùi ở trong đời sống Phạm hạnh.

Tôi nói không biết bao nhiêu lần, tùy bối cảnh, tùy đối tượng mà cái pháp môn tu hành được Đức Thế Tôn tùy duyên mà diễn bày theo cách nào đó. Chẳng hạn như có lúc Ngài nói đến Giới, Định, Tuệ, Bát Chánh đạo, Thất Giác Chi; nhưng mà ở đây Ngài nói còn có bốn điều rất là dễ hiểu mà rất là căn bản:

Một là giới hạnh.

Hai là thu thúc các căn.

Ba là chừng mực trong ăn uống.

Bốn là sống trong chánh niệm tỉnh giác.

Thì trong đó Ngài có giải thích đầy đủ.

Một, giới hạnh ở đây có nghĩa là biết sợ trong từng lỗi lầm nhỏ nhất. Bởi vì theo tinh thần trong kinh thì một người giữ giới là giới nào cũng thấy nó là quan trọng, đó gọi là người giữ giới. Còn cái người hành thiện thì cái thiện nào họ thấy cũng là lớn để họ làm, và cái ác nào họ cũng nói là lớn để họ không làm. Cái đó là tinh thần của Phật pháp. Người giữ giới là họ thấy giới nào cũng quan trọng hết.

Cái hình tam giác, nếu mà mình bỏ đi cái phần nhỏ nhất của hình tam giác, có nghĩa là mình gọt đi cái đỉnh của nó thì nó sẽ mất đi cái góc. Thì nó cũng còn lại cái góc nhỏ nhất. Cái góc nào mà nhỏ nhất thì cứ gọt, thì tôi hứa cứ cắt bỏ cái phần mà ngắn nhất trong cái hình tam giác, cuối cùng ta sẽ mất sạch.

Thì cái giới luật và các pháp tu y chang như vậy. Bây giờ các vị lấy cái hình bình hành, cứ cắt riết, hể thấy cái nào ngắn, cái nào nhỏ là cứ cắt tĩa. Tĩa riết một hồi cuối cùng là nó mất sạch cái hình tam giác. Cắt riết cuối cùng nó chỉ còn lại một đường thẳng thôi, rồi đường thẳng đó tha hồ mà cứ xén, xén, xén, cuối cùng mất không còn cái gì hết.

Thì khi mà Đức Phật Ngài sắp tịch thì Ngài có nói với Ngài A-nan là:

“Khi Ta đi rồi thì chúng Tỳ-kheo thấy cái học giới nào mà nhỏ nhất có thể bỏ bớt.”

Thì Ngài A-nan lúc đó Ngài không có hỏi giới nào nhỏ. Lúc đó là Ngài lo buồn khóc Đức Phật sắp đi mà. Thì về sau này, khi cái kỳ kiết tập Tam Tạng, thì Ngài Ca-diếp mới trách Ngài A-nan năm cái lỗi:

Một, lỗi thứ nhất là đã cố ý nài nỉ, năn nỉ ba lần, gần như là ép buộc Thế Tôn phải đồng ý cho nữ giới xuất gia.

Hai, cái lỗi thứ hai nữa đó là đã không có chịu thỉnh Phật trụ thế thêm.

Ba, cái lỗi thứ ba nữa là không có chịu hỏi Thế Tôn rõ ràng cái giới nào mà Ngài gọi là giới nhỏ.

Bốn, cái thứ tư, trong một lần may y cho Đức Phật, thì Ngài A-nan thấy gió thổi mà không có gì chặn, Ngài mới lấy cái chân của Ngài kẹp lại.

Năm, cái lỗi thứ năm mà Ngài mắc phải đó là Ngài là người có thẩm quyền để thu xếp cái chuyện tiếp tân cho cái đám tang, tang khách đến viếng cái báo thân Thế Tôn sau khi Ngài viên tịch, thì Ngài sắp xếp làm sao mà để cho mấy cô mấy

Bà nhào tới khóc, rồi nước mắt của họ dính trên cái lá y của Thế Tôn.

Thì ngài Ananda, ngài lần lượt ngài giải thích:

1. Ngài nói, thứ nhất là lúc đó tôi chỉ thương bà Gotamī là bà dì ruột, bà là một bậc phải nói là nữ lưu cực kỳ khả kính, mà thêm có ơn với Thế Tôn. Bây giờ tôi thấy bà đi chân không với 500 cô nữa, mà mệnh phụ phu nhân mà đầu trần chân đất, máu me tươm sừng cái chân vậy, tôi không có đành. Tôi đành phải xin Thế Tôn, và cái chuyện mà được cho phép hay không là Thế Tôn, chứ tôi đâu có gì tôi ép. Nhưng mà đầu sao thì đó cũng là cái lỗi.

2. Rồi thứ hai đó là cái chuyện mà tôi không thỉnh Thế Tôn trụ thế, là bởi vì lúc đó Thế Tôn gợi ý mà tôi không có hiểu. Lúc đó tôi bị Ác-ma, sau này tôi biết đó là Ác-ma áng cái tâm của tôi. Lúc Ngài trả lời, Ngài đã là một vị Thánh A-la-hán rồi.

3. Còn chuyện mà may y mà tôi lấy cái chân chèn là bởi vì lúc đó không có ai giúp hết. Chứ còn chư Tăng ở đây biết tôi là vị Sơ Quả, làm sao mà tôi bất kính với Thế Tôn được? Lúc đó tôi đã là Sơ Quả rồi.

4. Thêm một điều nữa là tôi không có hỏi cái chuyện mà Giới nào nhỏ, là bởi vì lúc mà khi tôi biết Thế Tôn đã quyết định níp-bàn, thì tôi còn đầu óc nào mà nghĩ đến cái chuyện gì ngoài ra cái chuyện mà sắp rời xa Thế Tôn.

5. Rồi chuyện cuối cùng là cái chuyện mà để cho mấy bà mấy cô mà họ khóc vắng nước mắt, thì đây ai cũng biết, phụ nữ mà, không có rắc rối thì không phải là phụ nữ, mà đã là phụ nữ thì phải rắc rối. Tôi đã thu xếp đàn ông viếng ban đêm, đàn bà viếng ban ngày, vậy đó mà nó cứ nhào vô, nó cứ sáp vô, rồi nó chen lấn.

Bởi vì giống như danh sắc, hồi đầu mình mới tu Tứ Niệm Xứ mình thấy rằng danh sắc có tam tướng, tam tướng nằm trong danh sắc. Nhưng sẽ có một ngày mình thấy tam tướng chính là danh sắc, mà danh sắc chính là tam tướng.

Hồi mình không biết phụ nữ, mình thấy phụ nữ thì là rắc rối, mà rắc rối nằm ở phụ nữ. Nhưng mà khi hiểu họ hơn thì mình phải sửa lại: phụ nữ chính là rắc rối, và rắc rối chính là phụ nữ. Ở đây tất cả Tôn giả đều thấy như vậy, cho nên là cái chuyện mà

họ tung tẩy mà để rớt, để rơi lệ trên cái báo thân Thế Tôn, chuyện đó là cái chuyện ngoài ý muốn.

Thì bắt lỗi như vậy thôi, nhưng mà tôi cũng xin chân thành sám hối chư Tăng.

Như vậy thì cái giới hạnh ở đây có nghĩa là biết sợ các cái lỗi lầm nhỏ nhặt nhất.

Thu thúc lục căn

Thu thúc lục căn là toàn bộ Phật pháp, cho nên chỉ nói gọn thì được, chứ nếu nói cho đủ thì ba trăm kiếp nói chưa có hết.

Thu thúc lục căn ở đây đơn giản nói gọn là khi mà 6 căn biết 6 trần, không để tâm mình nó phải thích thú hay là bất mãn bất cứ cái gì. Nó chỉ là như Phật đã từng dạy: thấy chỉ là thấy, nghe chỉ là nghe; ở đây chỉ có thấy, ở đây chỉ có nghe, chứ không có người thấy, người nghe.

Và nếu mà đã tới mức đó mà vẫn có tham, có giận, thì tiếp tục quán chiếu tiếp: ở đây chỉ có tham đang có mặt, chỉ có giận đang có mặt, chứ không có người tham, người giận. Đó gọi là thu thúc lục căn.

Xem Kinh Căn Tu Tập, gọi là Indriyabhāvanā-sutta, ở trong Trung Bộ Kinh. Giảng là phải lấy kinh ra giảng. Trong đó nói như vậy đó, thu thúc lục căn là vậy đó. Có nghĩa là khi mà 6 căn biết 6 trần thì bước một, thấy biết là thấy, rồi nghe biết là đang nghe. Rồi bước hai, biết rõ tâm gì đang có mặt, cảm thọ gì đang có mặt. Ở đây 6 căn và 6 trần chỉ là căn với trần, chỉ là danh sắc, không có gì đẹp xấu, không có ai đang hưởng thụ, thưởng thức hay chịu đựng. Đó gọi là thu thúc lục căn.

Chứ không phải là nhắm híp con mắt lại gọi là thu thúc nhãn căn, lấy bông gòn nhét lỗ tai là thu thúc nhĩ căn. Không có phải. Mà thu thúc là vậy đó: tức là bước một, thấy chỉ biết là thấy, nghe chỉ biết là nghe; đừng có diễn dịch, suy diễn, liên tưởng, hình dung, mộng mị, không có. Rồi thấy biết là thấy. Nhưng mà nếu mà tới đó mà nó chưa có yên, mà nó vẫn còn thích, vẫn còn ghét, thì tiếp tục ghi nhận:

“Ồ, hồi nãy là thấy chỉ là thấy, ở đây không có ai thấy, chỉ có sự thấy. Nghe chỉ là nghe, ở đây không có người nghe. Rồi bây giờ qua bước thứ hai, ở đây đang có tâm tham, chứ không có người nào thích thú ở đây. Ở đây đang có tâm sân, chứ ở đây không có người nào đang bất mãn ở đây.”

Ở đây không có tốt, xấu, dài, ngắn, trong, ngoài, trên, dưới, lớn, nhỏ, trắng, đen, mập, ốm, v.v. Tất cả chỉ là 6 căn và 6 trần, chỉ là danh và sắc.

Mà hồi nãy đã nói rồi, hồi đầu mình thấy là trong danh sắc luôn có mặt của tam tướng. Nhưng có một ngày hành giả sẽ thấy tam tướng chính là danh sắc, và danh sắc chính là tam tướng. Hai cái ông thần này không có rời nhau.

Như là cái ánh nắng và cái sức nóng của nắng thì nó vốn dĩ không có rời nhau được. Mình không thể lấy nắng riêng, rồi cái nóng riêng, không có được. Giống như lửa, mình không thể tách cái đó ra làm hai được. Ở đây cũng vậy, lửa đâu thì biết nhiệt độ nằm ở đó.

Thì thu thúc lục căn mà tại sao cái này nó quan trọng dữ vậy? Dạ thưa, nó không quan trọng sao được. Không có thu thúc lục căn thì mới có sanh tử. Còn thích cảnh sắc, tức là còn thích nhìn, thì đời sau sanh ra mới có con mắt. Khi còn thích nghe thì đời sau sanh ra mới có lỗ tai. Khi mà mình còn đắm mê trong 6 trần thì đời sau mới có tiếp tục 6 căn hiện hữu để sanh tử nữa.

Bởi vì toàn bộ con người của mình, từ một cái người ăn mày du đãng cho tới một người thủ tướng, tổng bí thư, tất cả đều là 6 căn 6 trần chứ không có cái gì thêm nữa hết.

Cho nên ở đây khi mà đối với 6...

...trần không có tham đắm, mà với sự hỗ trợ của ba-la-mật thì chúng ta chấm dứt phiền não, lìa bỏ sanh tử. Thì tiếp tục đời sau không còn sáu căn hiện hữu để mà sanh tử nữa.

Còn chính vì còn đam mê trong sáu trần, cho nên tiếp tục đời sau mới có sáu căn. Mà hễ còn có sáu căn thì còn tiếp tục đam mê sáu trần. Và cứ như vậy làm một cái vòng luẩn quẩn, một cái vòng tròn khép kín, không có lối thoát. Đó là chỗ đó.

Tỉnh giác

Tỉnh giác ở đây, ở chỗ này có nghĩa là không có mê ngủ. Có nghĩa là vị Tỳ-kheo mệt lắm lắm, cảm thấy mình cần nghỉ ngơi thì cứ tìm xuống một chỗ nào để nằm ngả lưng. Nhưng mà vị ấy luôn luôn biết rất rõ, và rất rõ một điều: ngủ không phải là một cái thời điểm thưởng thức, hưởng thụ một cái khoái lạc nào trên đời như đa phần thiên hạ vẫn nghĩ. Vị ấy biết rõ rằng mình đang cần nghỉ ngơi thì nghỉ ngơi. Vị ấy biết rõ rằng chỉ cần bây giờ chìm vào giấc ngủ là mình đang hoang phí cái thời gian làm người, thời gian mà biết được Chánh Pháp.

Cho nên các vị nào có muốn biết thêm thì tôi cho các vị một bài kinh. Đó là vào trong Google đánh hàng chữ, trong đó nó sẽ dẫn các vị đi đến chỗ cái bài kệ mà tôi sắp nói. Bài kệ đó có tên là Uṭṭhāna Sutta:

Uṭṭhahatha nisīdatha,
ko attho supitena vo,
āturāṇaṃ hi kā niddā
salla-viddhāna ruppatam.

Hãy đứng lên, hãy thức dậy, hãy ngồi dậy. Có ích lợi gì với cái giấc ngủ này, khi mà mình đang là người bị trúng tên, đang bị trọng thương. Vị Tỳ-kheo phải luôn luôn sống tỉnh thức.

Ở bên Tích Lan, bây giờ chắc hết rồi, chứ Tích Lan ngày xưa là dất khuya khuya người ta lựa một vị sư trong chùa mà có cái giọng tốt, mà lớn tiếng. Dất khuya mà khi cần họp chúng nửa đêm, mà công phu khuya, người ta sẽ cử người đứng đọc cái bài kinh này:

Uṭṭahatha nisīdatha,
ko attho supitena vo.

Hãy thức dậy, hãy ngồi dậy. Có ích lợi gì với cái giấc ngủ giữa cái cõi trầm luân? Đã ngủ nhiều đời lắm rồi, mà tại sao bây giờ được mang thân người, được gặp Phật Pháp mà lại vẫn tiếp tục ngủ?

Thì bởi vì mình, thứ nhất là không biết sáng mai mình còn có thể thức dậy được nữa hay không. Có thể mình sẽ ra đi trong giấc ngủ. Thứ hai nữa là lỡ mà mình có đi thì sau cái tắt thở, mình còn được mang thân người hay không? Mà nếu mang thân người thì mình có được gặp lại Chánh Pháp hay không? Mà nếu được gặp lại Chánh Pháp, mình có đủ điều kiện để tu học như bây giờ hay không?

Cho nên trong đây Đức Phật Ngài dạy một vị Tỷ-kheo tỉnh thức có nghĩa là khi cảm thấy mệt mỏi, tìm một cái chỗ thích hợp nằm xuống, hai chân gác lên nhau, Chánh niệm Tỉnh giác, nghĩ đến lúc ngồi dậy. Có nghĩa là chưa có kịp gì hết là đã nghĩ đến cái chuyện một lát nữa sẽ ngồi dậy. Và tâm tư nghĩ đến ánh sáng. Có nghĩa là sao? Là vị ấy luôn luôn có cái tâm niệm rằng mình đang nằm ở trong một cái vùng sáng lòa để cho nó đừng có buồn ngủ. Luôn luôn như vậy. Cái đó là niệm đề mục ánh sáng. Trong kinh có ghi rõ niệm đề mục ánh sáng.

Trong kinh có cho một ví dụ mà tôi thấy rất là hay. Đó là cái người tinh tấn, mỗi lần buồn ngủ họ có thể ngủ, có quyền ngủ, nhưng mà ngủ với tâm trạng này: “Với giấc ngủ này, ta sẽ có thể làm lỡ rất là nhiều cái chuyện quan trọng với cái chứng trọng bệnh của ta. Nếu mà ta không có thức dậy đúng lúc, thì ta sẽ lỡ giờ uống thuốc, ta có thể bị chết.”

Nếu mà ngủ mà với tâm niệm như vậy, như một bệnh nhân tâm niệm rằng: “Nếu ta ngủ quên thì có thể lỡ giờ uống thuốc, như vậy là nguy hiểm tánh mạng.” Thì các vị tưởng tượng đi, cái người bệnh nhân đó có thể ngủ mà thẳng căng được hay không? Tôi nghĩ khó lắm, rất là khó. Cứ nghĩ rằng chỉ cần nó lỡ giờ một cái là, bác sĩ nói là

cứ ba tiếng rưỡi là phải uống một liều, ba tiếng rưỡi phải lại một liều. Thì nếu mà ngủ quên thì mệt lắm, nó có khả năng là bị chết. Thì nếu mà mình buồn ngủ quá buồn ngủ mà mình vẫn còn kịp nhớ đến cái này.

Thì ở đây cũng vậy, một cái vị mà tinh tấn tỉnh thức thì đối với giấc ngủ họ không có coi nó là cái cơ hội để mà hưởng lạc. Người tinh tấn không xem việc ngủ nghỉ là cái cơ hội hưởng lạc như đa phần thiên hạ.

Bởi vì ai cũng mơ có một cái căn phòng, có một cái giường mát lạnh, thơm phức, êm ả, vắng lặng, rồi thơm, rồi có đèn màu, có một cái tiếng, mùi dễ thương, cái mùi gì mà nó cho đi luôn.

Ở đây tôi nhắc chừng, đừng có nghe tôi ru như vậy rồi tối xách một mớ bông lài, bông cúc, bông lan, bông hồng vô đó là sáng mai là có cháo khuya. Tôi chỉ ví dụ nhẹ nhẹ vậy thôi.

Tôi nói cái này có lẽ trong room nhiều người ngạc nhiên lắm: chúng ta cố tránh cho bằng được tất cả mùi thơm trong vũ trụ. Mùi thơm là đã không tốt rồi, đặc biệt là mùi thơm nhân tạo. Dầu đó là mùi nước hoa đắt tiền bằng cỡ nào đi nữa, thơm là không có thân thiện với sức khỏe của chúng ta. Nhớ cái này quan trọng lắm.

Thí dụ như tôi biết có nhiều người họ sang mà kiểu sang hai lúa, sang tương ớt, sang út nếp. Có chút đỉnh tiền là xe là phải thơm phức, người thì phải thơm phức, nhà thơm phức, phòng thơm phức, toilet thơm phức, phòng khách thơm phức, tất cả gì cũng thơm phức. Mà họ không hề biết rằng tất cả những cái mùi đó là 99,9% là nhân tạo. Mà nhân tạo là những hóa chất độc hại cho cái sức khỏe của mình.

Mà tại sao họ có những ý nghĩ quái gở đó? Là tại vì họ dốt, họ không có biết chất độc nó vốn dĩ không có thân thiện với cơ thể mình. Tuy nhiên, lâu lâu đi ngoài đường, ngoài rừng, trong parc, công viên, nghe hoa lài, hoa lý, hoa ngâu nó...

Phảng phất một chút thì vui, nhưng mà tậu cho một mớ đem về trong phòng mà hửi thì chết.

Cho nên ở đây, đối với cái người tinh tấn, họ không xem cái chuyện ngủ nghỉ là một cơ hội để mà hưởng thụ khoái lạc, an dưỡng cái tấm thân bất tịnh này.

Như vậy thì bốn cái pháp này được xem là bốn cái pháp bất thối, Aparihāniya. Thì trong đây Đức Phật Ngài dạy rằng:

“Này các Tỳ-kheo...”

Rồi có nhiều người họ cứ tưởng là Đức Phật không có nhắc gì đến cư sĩ, cái đó là sai. Bởi vì Đức Phật có năm cái việc làm thường xuyên trong ngày:

1. Pubbanhe piṇḍapātaṇca: Buổi sáng, nắng lên là Ngài đi khất thực.
2. Sāyaṇhe dhammadesanāṃ: Buổi chiều, Ngài thuyết pháp cho đại chúng, tứ chúng, gồm có chư Tăng và cư sĩ.
3. Padoṣe bhikkhu ovādaṃ: Ban đêm, Ngài dành riêng một buổi nói chuyện với tất cả chư Tăng.
4. Adharatte devapañhānaṃ: Buổi khuya là lúc Ngài tiếp xúc với chư Thiên, Phạm Thiên từ ở trên các tầng trời họ xuống.
5. Paccūseva gate kāle bhabbābhabbe vilokanaṃ: Buổi rạng đông, trước giờ đi bát, Ngài dùng Phật trí để Ngài soi rọi vô lượng vũ trụ xem hôm nay ai đáng để mà Ngài gặp, Ngài tế độ. Tế độ đây có hai: một là giúp cho họ chứng đắc Đạo Quả ngay kiếp hiện tại, hai là giúp họ gieo cái duyên lành cho đời sau kiếp khác.

Ví dụ như là trong Kinh nói có lần, khi mà chư Tăng gây gổ với nhau, Đức Thế Tôn, với cái người như Ngài thì Ngài có nhiều cách giải quyết, Ngài có nhiều chỗ để đi, Ngài có tới một tỷ chuyện để Ngài làm. Nhưng mà Ngài chọn một cách rất là khó hiểu, đó là Ngài bỏ vào rừng, Ngài sống ở một cái nơi mà không hề có một cái

phương tiện vật chất gì hết, và trăm thứ ở đó là chỉ có trông cậy vào một con voi nó lui tới nó lo cho Ngài.

Các vị tưởng tượng, con voi nó có khôn bằng trời thì nó cũng là con thú mà. Vậy mà Đức Thế Tôn bỏ ra ba tháng để sống gần nó. Tại sao vậy? Là vì Ngài là một thành viên trong cái đại gia đình Phật Tổ ba đời mười phương, cứ Phật trước hà hơi tiếp sức cho Phật sau. Chính bản thân Ngài, Ngài cũng được sự hà hơi tiếp sức của vô lượng chư Phật quá khứ.

Cho nên là bây giờ, Ngài xét thấy cái con voi này nó đáng để được Ngài hà hơi tiếp sức. Là sao? Là bởi vì nó hầu hạ, nó phục vụ Thế Tôn trong suốt ba tháng. Thì cái công đức đó tôi không biết là trời đất nào mà chứa cho hết, suốt ba tháng. Và con voi đó chính là một vị Phật tương lai!

Cho nên là vị Tỳ-kheo mà tinh tấn rồi thì họ coi cái giấc ngủ là cái chuyện chẳng đáng dừng, chứ nó không có phải là tứ khoái, không phải là cái cơ hội để hưởng lạc như đa phần thiên hạ vẫn nghĩ đâu.

Và phải nói rằng đó là, bây giờ các vị trong room chắc còn nhiều người yêu đời lắm cho nên không có thấy sợ. Chứ tôi báo trước một cái tin buồn rùng rợn là sẽ có một ngày là mình đang nằm ở trong bệnh viện, tối thì còn đọc báo, xem tivi, chứ còn khuya đó, bốn giờ là người ta đã vô, người ta khiêng xác mình ra rồi! Cái đó là có thiệt, cái chuyện này là chuyện hoàn toàn có thể xảy ra, mà tôi không biết là lúc nào.

Vì tôi từng nằm viện, tôi biết. Đầu hôm thì mình nằm mở này kia cho coi, nhưng mà trước khi ngủ tôi có nghĩ, tôi nghĩ: đêm nay nếu khoảng bốn giờ thì... Mà nó phủ phàng lắm. Tại y tá họ vô họ thăm cầm canh, có nghĩa là một tiếng, hai tiếng. Những căn phòng mà chăm sóc đặc biệt thì họ vô nhiều một chút, còn cái phòng nào mà hơi nhẹ nhẹ thì họ lâu lâu một chút. Nó vô cầm canh mà nó thấy, xong rồi là nó báo tin, rồi là đem xác ra liền. Mà nó làm thu xếp nhanh lắm. Thứ nhất là nó không có làm

kinh động những cái bệnh nhân khác, thứ hai nó cần giường nó cho em khác vô nằm nữa.

Cho nên là sẽ có một ngày mà chúng ta muốn ngủ cũng không phải dễ, bởi vì mệt lắm mà cứ teo, cứ nghĩ là bây giờ mà nhắm mắt không biết sáng mai có dậy hay không. Bây giờ chín giờ đêm, có khả năng là khuya nay bốn giờ là nó vô nó đem mình ra rồi. Mà hồi hôm qua là mình vô mình đi bằng cái chân của mình, bữa nay là mình đi ra bằng cái chân của người khác.

Cho nên là bây giờ mà có thương hận tình thù cỡ nào đi nữa, danh lợi cỡ nào đi nữa thì chắc chắn sẽ có cái ngày đó. Trừ phi quý vị chết bở chết bụi, chết tai nạn, hoặc là chết êm ái, tự nhiên đang đi vậy cái tự nhiên nó bị stroke, nó gục xuống, heart attack cái nó đi luôn thì thôi. Chứ còn mà nếu mà có cái cảnh mà bệnh viện này nọ thì thế nào cũng có vụ đó, có nghĩa là đầu hôm mình ngủ ngon, tới khuya ba giờ sáng nó đi luôn.

Mà có nhiều khi có những trường hợp bác sĩ bắt buộc họ phải nói thiệt cho mình biết tình trạng của mình, nhưng có nhiều khi y tá họ không nỡ, họ cũng an ủi mình vậy đó, nói xa xa gần gần. Họ giấu được họ giấu. Có nhiều trường hợp họ nói thiệt, có nhiều trường hợp họ giấu được họ giấu.

Hoặc có trường hợp họ cũng không có nghĩ là mình đi lẹ như vậy. Rồi đầu hôm vậy, khuya, nửa khuya, một là cơ thể nó có cái phản ứng bất thường, còn hai nữa, nhiều khi thuốc hồi hôm qua nó hợp, nay nó không hợp. Hoặc là mới đổi thuốc hồi chiều, họ đã nghiên cứu rồi, họ thấy thuốc được họ mới bơm, họ mới đổi thuốc cho mình. Ai ngờ để vô cái nó đi luôn. Thì bác sĩ họ cũng con người chứ họ không phải là thần tiên gì đâu.

Cho nên phải biết cái đó. Chính vì luôn luôn lúc thức mà nghĩ như vậy thì chúng ta mới không coi giấc ngủ là cơ hội hưởng lạc.